



NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN- HÀ NỘI

Số: 3242../2025/CV-SHB
(V/v Thông báo lãi suất trái phiếu
mã SHB12301 – kỳ tính lãi thứ tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Lãi suất trái phiếu mã SHB12301 – Kỳ Tính Lãi thứ tư

Kính gửi: - Người Sở Hữu Trái Phiếu SHB12301
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Căn cứ Bản Công bố thông tin ngày 26/12/2023 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (mã Trái phiếu SHBLH2330001);
- Căn cứ lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại ngày 18/06/2025 (“Ngày Xác Định Lãi Suất”).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) xin trân trọng thông báo về mức lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ tư kể từ (và bao gồm) ngày 27/06/2025 cho đến (nhưng không bao gồm) ngày 27/12/2025 của Trái Phiếu mã SHB12301 (mã Trái Phiếu theo Bản Công bố thông tin: SHBLH2330001) là 7,675%/năm. Cụ thể như sau:

Lãi suất Trái Phiếu SHB12301 = Lãi Suất Tham Chiếu + 3% (Ba phần trăm)/năm

Trong đó:

“Lãi Suất Tham Chiếu” có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức

(website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân.

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi ngoại trừ Ngày Xác Định Lãi Suất đối với 06 (sáu) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành là Ngày Làm Việc liền trước Ngày Phát Hành.

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ tại các Ngân Hàng Tham Chiếu ngày 18/06/2025 như sau:

STT	Ngân Hàng Tham Chiếu	Lãi suất (%/năm)
1	Vietinbank	4,70
2	BIDV	4,70
3	Vietcombank	4,60
4	Agribank	4,70
Lãi suất bình quân		4,675

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTKD GTCG.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Khoa

00278

ÂN H
G MẠI C
GÒN - H

KIỂM -

BIDV Sản phẩm & Dịch vụ SMEasy

Chọn khu vực TÌM KIẾM

Kỳ hạn	USD	VND
Không kỳ hạn	%	0.1%
1 Tháng	%	1.6%
2 Tháng	%	1.6%
3 Tháng	%	1.9%
5 Tháng	%	1.9%
6 Tháng	%	3.0%
9 Tháng	%	3.0%
12 Tháng	%	4.7%
13 Tháng	%	4.7%
15 Tháng	%	4.7%
18 Tháng	%	4.7%
24 Tháng	%	4.8%
36 Tháng	%	4.8%

Vietcombank Sản phẩm & Dịch vụ Công cụ & Tiện ích Liên hệ & Hỗ trợ Giao dịch an toàn

Tìm kiếm tài quỹ Tiền gửi có kỳ hạn tại quầy Tiền gửi trực tuyến

Kỳ hạn	VND	EUR	USD
Không kỳ hạn	0.10%	0.30%	0.00%
7 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
14 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
1 tháng	1.60%	0.30%	0.00%
2 tháng	1.60%	0.30%	0.00%
3 tháng	1.90%	0.30%	0.00%
6 tháng	2.90%	0.30%	0.00%
9 tháng	2.90%	0.30%	0.00%
12 tháng	4.60%	0.30%	0.00%
24 tháng	4.70%	0.30%	0.00%

AGRIBANK

1900558818 / 464243203205

Không kỳ hạn	0.2%	0%	0%
1 Tháng	2.1%	0%	0%
2 Tháng	2.1%	0%	0%
3 Tháng	2.4%	0%	0%
4 Tháng	2.4%	0%	0%
5 Tháng	2.4%	0%	0%
6 Tháng	3.5%	0%	0%
7 Tháng	3.5%	0%	0%
8 Tháng	3.5%	0%	0%
9 Tháng	3.5%	0%	0%
10 Tháng	3.5%	0%	0%
11 Tháng	3.5%	0%	0%
12 Tháng	4.7%	0%	0%
13 Tháng	4.7%	0%	0%

VietinBank

Có nhân ▾ Doanh nghiệp ▾ Khách hàng Ưu tiên ▾ Định chế tài chính ▾ Phát triển bền vững

ĐĂNG NHẬP

Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,6%	0%	0,4%
Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,6%	0%	0,4%
Từ 3 tháng đến dưới 4 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 4 tháng đến dưới 5 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 5 tháng đến dưới 6 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 6 tháng đến dưới 7 tháng	3%	0%	0,5%
Từ 7 tháng đến dưới 8 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 8 tháng đến dưới 9 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 9 tháng đến dưới 10 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 10 tháng đến dưới 11 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3%	0%	0,4%
12 tháng	4,7%	0%	0,3%
Trên 12 tháng đến 13 tháng	4,7%	0%	0,3%

4